

Nghi lễ hôn nhân của người Dao Thanh Y ở Quảng Ninh trong bối cảnh hiện nay

Nguyễn Thị Thu Hà

Trường Đại học Văn hóa nghệ thuật Quân đội

Tóm tắt: Nghi lễ trong hôn nhân là một trong những nghi lễ ít biến đổi và còn bảo lưu được nhiều bản sắc văn hoá của tộc người. Người Dao Thanh Y ở huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh là tộc người cư trú ở vùng cận thị có tốc độ đô thị hoá và hội nhập rất nhanh chóng, và trong quá trình tiếp biến văn hoá đó, họ vẫn giữ được khá đậm nét những nghi lễ truyền thống trong hôn nhân mang đậm bản sắc văn hóa tộc người. Bài viết trình bày các nghi lễ hôn nhân của người Dao Thanh Y, một số phong tục liên quan đến trang phục, lễ hát giao duyên trong lễ cưới và những nét thay đổi so với lễ nghi cưới truyền thống.

Từ khóa: Hôn nhân - Gia đình; Nghi lễ hôn nhân; Dân tộc thiểu số; Hôn nhân của người Dao.

1. Đặt vấn đề

Nghi lễ hôn nhân là một di sản văn hóa của tộc người Dao. Qua nghi lễ hôn nhân đã thể hiện nhiều nội dung tư tưởng mang tính giáo dục sâu sắc, thể hiện bản chất tốt đẹp và mang đậm bản sắc văn hóa tộc người. Các bước nghi lễ của hôn nhân, nhất là các bài hát giao duyên trong nghi lễ đã nói lên khát vọng của con người mong muốn có một cuộc sống ấm no và hạnh phúc, thể hiện những quan niệm về đạo đức, chứa đựng những giá trị

nhân bản mang tính hướng thiện và có tác dụng giáo dục sâu sắc. Nghiên cứu nghi lễ hôn nhân sẽ giúp chúng ta có cách nhìn đúng đắn giữa truyền thống và hiện đại, từ đó phát huy tính tích cực, tinh thần yêu quê hương đất nước. Đồng thời có hướng bảo tồn, kế thừa và phát huy, cũng như loại bỏ những nội dung không còn phù hợp với cuộc sống đương đại, phát huy những mặt tốt của các nghi lễ truyền thống, hạn chế những yếu tố tiêu cực, không còn phù hợp để phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng tộc người.

Ở Việt Nam, theo các nhà nghiên cứu, tên gọi của người Dao cho đến nay vẫn đang còn là vấn đề nhiều bàn cãi. Tên gọi chính thức trong danh mục 54 thành phần các dân tộc ở Việt Nam là Dao. Tuy nhiên, cũng có nhiều tên gọi khác như Mán, Dạo, Xá... Tên tự gọi của người Dao là Kiềm Miền hay Dìu Miền (người ở rừng). Dân tộc Dao có nhiều nhóm khác nhau: Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Lô Gang, Dao Tiền, Dao quần Trắng, Dao Làn tiển (Dao áo dài) và Dao Thanh Y... Các nhóm Dao phân bố ở nhiều địa phương trong cả nước. Riêng nhóm Dao Thanh Y phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Bắc nước ta bao gồm các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Bắc Giang (Nguyễn Khắc Tụng, 1997).

Người Dao ở Quảng Ninh có 2 nhóm “Kiềm miền” (nhóm Dao Thanh Phán); “Kiềm Mùn” (Dao thanh Y). Cả 2 nhóm sử dụng ngôn ngữ cơ bản là giống nhau (Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Ninh, 2005). Nhóm Dao Thanh Y cư trú thành từng làng xen kẽ với người Dao Thanh Phán, người Sán Dìu và người Kinh. Nguồn thu nhập chủ yếu là canh tác nông nghiệp làm ruộng nước kết hợp với chăn nuôi và làm nương rẫy. Từ năm 1990, người Dao bắt đầu làm quen với kinh tế thị trường và sản xuất một số mặt hàng nông sản phục vụ cho nhu cầu của vùng đất mỏ Quảng Ninh (Nguyễn Quang Vinh, 1999). Cho đến nay, đời sống của người Dao Thanh Y ở Quảng Ninh đã có những thay đổi, một bộ phận con em người Dao đi làm công nhân mỏ than, tham gia các hoạt động dịch vụ buôn bán và phát triển kinh tế hộ gia đình. Đời sống kinh tế hộ gia đình của người Dao đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, trong đời sống văn hóa tộc người, cộng đồng người Dao Thanh Y vẫn còn lưu giữ được nhiều nghi lễ mang đậm bản sắc tộc người, nhất là trong nghi lễ hôn nhân và gia đình.

2. Hôn nhân của người Dao Thanh Y ở huyện Hoàn Bồ

2.1. Các nghi lễ trong hôn nhân và những thay đổi

Các nghi lễ

Các nghi lễ trong hôn nhân của người Dao Thanh Y ở huyện Hoàn Bồ,

tỉnh Quảng Ninh hiện nay được tiến hành gồm các bước sau:

Thứ nhất là lễ Ướm hỏi (tạp piếu): Khi đôi trai gái đã tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, người con trai về báo cáo với bố mẹ. Bố mẹ sẽ lựa chọn thời gian thích hợp đến nhà cô gái để ướm hỏi. Đầu tiên xem mệnh để biết hai người có phù hợp nhau không. Khi đi sang nhà cô gái, bố hoặc mẹ của người con trai mang theo một số tiền lẻ (từ 1000 hoặc 2000 VND⁽¹⁾, trước đây là 1 hoặc 2 xu tiền đồng) để tặng cho những người thân của cô gái như ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột... Nếu những người thân của cô gái nhận tiền có nghĩa là đã nhận lời giúp đỡ để đôi trẻ nên duyên vợ chồng.

Thứ hai là Lễ thách cưới (Nhin chấy): Sau nửa tháng hoặc 1 đến 2 năm nếu nhà gái xem sách thấy mệnh phù hợp thì đồng ý và tiến hành tiếp lễ ăn gà (*Nhin chấy*). Nhà trai sẽ thông báo lễ *Nhin chấy cho nhà gái*, nhà gái mời tất cả những người đã nhận tiền trước đó đến chứng kiến. Ông cậu được cử làm đại diện cho nhà gái tiếp nhà trai. Ông cũng là người trả lời với nhà trai về việc có đồng ý hay không đồng ý việc kết hôn. Nếu đồng ý, đại diện nhà gái nhận lễ của nhà trai và tiếp tục bàn bạc về các lễ vật và các bước nghi lễ tiếp theo. Theo lời kể của thầy cúng, 65 tuổi, ở Hoàn Bồ thì đây: “Gọi là lễ ăn gà vì buổi lễ hôm đó sẽ giết hai con gà. Nhà trai mang đến 1 chai rượu, 1kg lạc. Ông cậu là người có vai trò thay mặt cho chủ nhà gái nói chuyện, chấp nhận cho hai đứa, mời tất cả mọi người họ hàng đến dự lễ ăn gà. Trong buổi lễ này, nhà gái đưa ra yêu cầu đồ thách cưới, ví dụ: tiền mặt 5 triệu đồng, một con lợn được quy ra tiền là 3 triệu đồng. Bên nhà trai chấp nhận, nhà gái sẽ viết ngày tháng năm sinh, tên tuổi vào tờ giấy rồi đưa cho ông mối mang về cho nhà trai”.

Thứ ba là Lễ báo tổ tiên (Mún nạp man): Sau lễ *Nhin chấy* vài ngày, nhà trai mang tờ 5000 đồng đi mời thầy cúng để chuẩn bị làm lễ (nếu mời thầy chưa thạo phải mời thầy cúng khác và khi đó phải mang theo tờ 10.000đ hàm ý là phải mời thầy cúng cao tay hơn). Ông thầy cúng (*nám man cồng*) bên nhà trai sẽ quyết định ngày cưới. Nhà trai khi dẫn con dâu về phải làm lễ cúng báo tổ tiên (*Pú nhất man*), lễ gồm có 3 con gà (phải có 1 con gà trống), 3 miếng thịt luộc, 3 bát gạo, rượu vanước lã đặt trên một mâm cúng (*môn*) ở vị trí giữa bàn thờ. Tất cả phải 3 vì người Dao quan niệm ăn 3 miếng mới no. Thầy cúng khấn lần lượt các cụ từ 4 đời - gồm bố (*chánh sín*), ông (*nhi đại*), cụ (*sam đại*), kỵ (*sây đại*), về nhận rượu và các lễ vật và chứng nhận việc gia đình chuẩn bị đón cô con dâu - thành viên mới của gia đình.

Thứ tư là Lễ cúng thổ thần, thổ địa (Nghén phản): Sau khi cúng tổ tiên,

gia đình tổ chức lễ *Nghén phản*. Cúng lễ này để đuổi ma xấu ở người con dâu, để ma xấu không vào nhà. Mâm cúng được đặt trước bậc cửa, thầy cúng đứng hướng ra ngoài cửa. Lễ vật có 11 miếng thịt nhỏ (vì cúng 11 vị thần thánh), gạo, có hương, giấy, rượu. Cúng xong mag ra ngoài cho gà ăn, người trong nhà không được ăn số gạo, thịt đó. Lễ này phải kết thúc trước khi đón dâu về.

Và cuối cùng là Lễ đón dâu và Lễ cưới: Trước khi đi đón, ông mới làm lễ cúng thánh (*xén man*) xin tất cả ông bà tổ tiên phù hộ cho con trai đi đón vợ suôn sẻ, không bị các ma quấy nhiễu. Đoàn đi đón dâu bên nhà trai có 4 người: ông mối, chú rể, phù rể, phù dâu. Các phù dâu phù rể phải cầm theo ô và 4 người này mang theo 8 chiếc khăn mặt. Lúc đi không chọn giờ. Còn lúc về chọn giờ tùy thuộc vào tuổi. Nhà trai khi đến gần nhà cô dâu phải tìm nhà trọ còn gọi là nhà trung gian (*mùng tẩn*) mà trong buổi lễ đi ăn gà có vào để báo cho nhà đó biết. Khi vào, nhà trai biếu họ 2-3 kg thịt lợn để họ nấu nướng cho mình ăn. Sau đó họ đi đến nhà gái. Đến nơi, nhà gái tìm 4 cô biết hát chăng dây thất lưng, nhà trai lên đặt tiền mỗi đầu dây khoảng 10- 20.000 đồng để xin phép vào. Hát chăng dây (*Zen kéo*) phải thực hiện 3 lần, mỗi lần cách nhau khoảng 20m. Mỗi lần chăng dây, đại diện nhà gái phải hát và nhà trai phải đặt tiền thì nhà gái mới cho đi qua.

Khi vào đến sân, ông mối nhà trai và thầy cúng nhà gái (*ché dui man*) đứng đầu nhau xem ai giỏi hơn bằng những lời nói. Hòa nhau thì may mắn cho cả hai gia đình. Nếu nhà trai đuối lý thì phải giả vờ quay về sau đó lại trở lại đấu lý. Tuy nhiên, hai bên gia đình có đấu lý căng thẳng nhưng cũng có ý dàn hòa nhau để lấy may mắn cho đám cưới. Người Dao Thanh Y gọi lễ này là *ti táy* (thi đấu lý). Tập tục này mang nét đặc trưng trong nghi lễ hôn nhân của người Dao Thanh Y. Trong buổi lễ đón dâu, nhà trai, nhà gái liên tục có những bài hát mời rượu chúc mừng hai họ và mời xã giao uống rượu, uống nước. Sau khi nhà gái làm lễ cúng tổ tiên, hai họ mời nhau ăn cơm, uống rượu, hát đối vui vẻ.

Sáng hôm sau, ông mối báo cáo trình tự, đặt mọi người con cháu nhà ngoại 2.000 đồng nữa để xin dâu đi. Đúng giờ thì cho dâu đi. Khi cô dâu ra đến cửa, những người thân của cô dâu (nhất là chị em gái, cô, dì họ hàng của cô dâu khóc lóc, ôm giữ cô dâu lại, gọi là lễ giữ dâu (*lê bông*) với hàm ý cô dâu là người nết na, chăm chỉ làm việc, phải đi về nhà chồng thì gia đình cô dâu rất tiếc nuối để tăng giá trị của cô dâu lên. Khi cô dâu ra khỏi cửa, ông mối làm phép thu hết của cải, trâu bò của ông chủ nhà gái, còn ông thầy cúng nhà gái cầm kiếm làm phép giữ hết của cải của nhà

gái lại.

Bên nhà trai sẽ có một ông thầy cúng báo tin với ông bà tổ tiên con dâu sắp về, đây là lễ nhập khẩu (*mu man*). Lễ cúng gồm 3 con gà, thịt lợn, rượu, giấy, 2 cây hương (1 cây cuốn giấy đỏ là con gái, 1 cây cuốn giấy trắng là con trai) với ngụ ý rằng từ nay đôi vợ chồng sẽ thiên niên vạn đại không được rời nhau. Sau khi cúng, hai cây hương này được cắm vào buồng ngủ của đôi vợ chồng trẻ, thầy cúng khấn cầu mong cho cặp vợ chồng trẻ này luôn quấn quýt, không được bỏ nhau. Đồng thời thầy cúng cũng báo cho tổ tiên biết để bảo vệ và quản lý người con dâu. Khi cô dâu về đến nhà chồng, chú rể sẽ vào trước, chằng 1 cái dây và cô dâu phải bước qua với ý nghĩa từ nay mọi điều xấu, tà ma đuổi hết ra ngoài.

Khi bước vào buồng, nhà trai sẽ thuê một đội hát để hát những câu ca ngợi, mừng gia đình có thêm thành viên mới, làm ra được nhiều của cải. Cô dâu sau khi làm lễ và thay quần áo, sẽ ra ngoài tiếp rượu bạn bè, họ hàng bên nhà trai. Ngày hôm sau, cô dâu và chú rể về lại mặt nhà vợ, gọi là lễ *huy lâu*. Hai vợ chồng mang một lễ gồm có 1 chai rượu, 1 kg thịt, 50.000 đồng về nhà gái để ông thầy cúng làm lễ báo cáo với tổ tiên và kết thúc lễ cưới.

Những nét thay đổi so với lễ nghi cưới truyền thống

Khi so sánh với nghi lễ cưới của người Dao hiện nay so với lễ nghi truyền thống, cho thấy một thực tế là nghi lễ trong hôn nhân của người Dao Thanh Y có nhiều thay đổi trong những năm gần đây. Do ảnh hưởng của quá trình phát triển và đô thị hóa, nhiều nghi lễ trong hôn nhân đã được giảm bớt cả về thời gian và lễ vật. Thay đổi nhiều nhất là lễ vật thách cưới. Nếu như trước đây thách cưới một cô gái phải mất 80 đồng bạc trắng, sau cách mạng nhờ cuộc vận động tiết kiệm của nhà nước, đến năm 1965 giảm xuống 60 đồng bạc trắng kèm theo con lợn 45 kg, năm 1970 tiền thách cưới xuống đến 20 đồng bạc trắng nên nhiều người đàn ông Dao đã không lấy được vợ.

Hiện nay, theo quy định của Quy ước làng văn hóa mới (thôn 2 làng Chín Gian), về việc cưới có quy định: Tổ chức việc cưới phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nam nữ kết hôn theo tuổi luật định. Tổ chức đám cưới trang trọng, lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, bản sắc văn hóa của dân tộc và hoàn cảnh kinh tế của gia đình. Khuyến khích tổ chức lễ cưới hời theo nếp sống mới, tiệc trà, báo hỷ... Việc đăng ký kết hôn phải tiến hành trước khi tổ chức đám cưới hoặc trước khi nam nữ về chung sống với nhau.

Theo quy ước làng văn hóa Chín Gian (2014), việc thách cưới của nhà gái đã giảm đi khá nhiều. Theo quy định của Ban văn hóa xã, lễ vật thách cưới chung là 40 kg gạo, không có bạc, tiền mặt khoảng 3 - 4 triệu đồng, không có rượu, gạo. Thậm chí có gia đình đã giảm đi thấp hơn, có giai đoạn 2 triệu đồng, sau đó tăng lên khoảng 5 - 8 triệu đồng, ngoài tiền còn kèm theo 40 kg thịt lợn. Tuy nhiên, một số gia đình còn quan niệm lấy tiền thách cưới lên đến 15 - 20 triệu, do họ cho rằng mất tiền nuôi con gái ăn học nên họ lấy thách cưới cao hơn. Hiện nay vẫn có gia đình thách cưới bằng bạc trắng (tính tương đương 20 đồng bạc trắng - khoảng 20 triệu đồng). Khi ông mối của nhà trai mang tiền thách cưới sang, nhà gái cử người ông cậu ra đếm đủ số tiền và lễ vật theo yêu cầu mới nhận lễ.

Sự hỗ trợ, giúp đỡ trong đám cưới cho đến nay vẫn được duy trì, tuy nhiên mức độ giúp đỡ cũng giảm đi nhiều. Trước kia có sự giúp đỡ bằng hiện vật gồm có: 1 bò gạo, 1 vác củi, 1 con gà và rượu, thì hiện nay những người anh em trong họ hàng có thể cho cô dâu, chú rể bằng tiền và giúp công nấu nướng, dọn dẹp, tiếp khách. Tiền mừng đám cưới thông thường ở mỗi gia đình là 100.000đ, trong trường hợp thân thiết có thể lên đến 200.000 hoặc 300.000 đồng. Tổng chi phí cho một đám cưới có thể lên đến 30 hoặc 40 triệu đồng. Đối với người Dao Thanh Y ở Hoàn Bô thì đây vẫn là khoản chi tiêu lớn, thậm chí có thể là gánh nặng nợ nần cho những hộ gia đình thuộc diện nghèo trong thôn bản.

2.2. Một số phong tục liên quan đến nghi lễ hôn nhân

Trang phục và đồ trang sức

Trang phục của cô dâu trong ngày cưới là nét văn hóa của người Dao Thanh Y. Trong ngày cưới, cô dâu sẽ được chị em gái trang điểm, mặc áo dài 3 vạt khép tà phía trước. Đầu đội mũ có bạc trắng cài xung quanh, trên đỉnh mũ có ngôi sao cũng bằng bạc. Phía dưới mũ là chiếc khăn mặt thêu hình vuông, ở mỗi góc khăn lại được buộc thêm 10 chiếc khăn thêu nữa bung xung quanh người cô dâu. Ở góc chéo của khăn có tua màu đỏ. Một chiếc khăn mỏng có đính những đồng xu bạc được cô dâu đội lên khi bước ra khỏi nhà mình để về nhà chồng. Dây thắt lưng có 2 chiếc, một chiếc được thêu chỉ màu trên nền vải mộc màu trắng, một chiếc được dệt có nhiều hoa văn. Chiếc yếm cũng được thêu bằng chỉ màu với những hình hoa văn sắc sảo, nổi bật là hình mặt trời có nhiều tia ánh sáng tỏa ra xung quanh ở giữa yếm. Xung quanh yếm cũng được đính những đồng bạc trắng. Trang phục của cô dâu thường do mẹ đẻ và chính tay cô dâu chuẩn bị.

Ngoài ra, cô dâu còn đeo khá nhiều đồ trang sức, chủ yếu làm bằng bạc trắng. Tùy theo khả năng kinh tế của gia đình, cô dâu có thể có nhiều quà tặng bằng vòng cổ, xà tích, vòng tay. Khi đón dâu, cô dâu thường mang hết các quà tặng đeo trên người trông rất lộng lẫy và hạnh phúc trong ngày cưới.

Còn trang phục của chú rể có màu chàm, áo có thêu viền quanh gấu, cổ quàng một chiếc khăn mặt thêu gấp chéo, hai đầu khăn buộc hai túm sợi màu đỏ buông dài trước ngực, đeo dây thắt lưng dệt bằng thổ cẩm.

Các bài hát giao duyên trong đám cưới

Người Dao Thanh Y thường hát giao duyên trong các nghi lễ đám cưới. Ngay cả khi mời rượu, người Dao có tục lệ thay lời mời bằng các câu hát rất ý nhị, tình cảm khiến người được mời khó có thể từ chối chén rượu. Những người được mời làm ông mối hoặc được lựa chọn đi cùng ông mối đến nhà gái trong các nghi lễ đám cưới thường là những người biết ăn nói, ứng khẩu hát đối đáp rất nhanh và linh hoạt để có thể “đối phó” được với nhà gái mà không coi là người “thua cuộc”.

Nội dung các câu hát thường gắn với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt thường ngày với điệu bộ giao duyên, tình tứ giữa bên nhà trai và bên nhà gái. Cuộc thách đố qua các câu hát yêu cầu cả hai bên phải ứng khẩu hay lựa chọn những câu hát phù hợp, đối đáp cả về nghĩa, làn điệu và cách thể hiện khi hát. Do vậy, hát đối đáp trong đám cưới đã trở thành những làn điệu giao duyên rất đặc sắc của người Dao Thanh Y ở huyện Hoàn Bô. Theo quy ước của người Dao, trong đám cưới của đôi uyên ương phải có những bài kèn theo từng sự kiện trong cỗ cưới, đám cưới, tất cả có 14 bài hát gồm đón khách, mời khách vào nhà, mời khách ngồi, mời nước, mời ăn, mời uống rượu, làn điệu chuẩn bị kết hôn, giao duyên với cô dâu chú rể, cúng tổ tiên, đưa cô dâu vào động phòng và tiễn khách. Khi chú rể đến nhà gái để đón dâu, người ta chăng dây lưng để hát hỏi, hát chào, nếu bên nhà trai đối đáp được thì bên nhà gái mới thu dây cho đoàn nhà trai vào nhà, gọi là: “*gian kiếu chũng*” (hát chặn đường). Có những câu hát được truyền lại từ đời trước, có những câu hát mới nảy sinh để ứng tác trong các lễ cưới.

3. Một vài nhận xét

Quảng Ninh là địa phương có tỷ lệ đô thị và phát triển công nghiệp rất sớm của cả nước. Bên cạnh đó, với chính sách mở cửa, phát triển kinh tế khu vực biên mậu, kinh tế Quảng Ninh rất phát triển, đặc biệt là kinh tế công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, trong đời sống văn hóa tộc người, Người Dao Thanh Y ở Hoàn Bô vẫn còn giữ được khá đậm nét những

ngghi lễ truyền thống trong hôn nhân mang đậm bản sắc văn hóa tộc người. Bên cạnh các yếu tố tín ngưỡng, nhiều hoạt động nghi lễ tổ chức trong hôn nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng thể hiện ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Đó là sự giáo dục về lòng biết ơn tổ tiên và cha mẹ đã có công sinh thành, nuôi dưỡng, tính chung thủy... Đặc biệt hơn cả, các bài hát, câu đối đáp, cách mời rượu trong đám cưới của người Dao Thanh Y là cả một kho tàng về văn học dân gian. Các bài hát, bài đối đáp đã thể hiện được ý thức về truyền thống văn hóa tộc người, cách giáo dục con người cách ứng xử hài hòa giữa con người với con người, coi trọng các mối quan hệ giữa cha mẹ với con cái, giữa các thành viên trong đại gia đình, họ hàng, thông gia và hướng tới một gia đình hạnh phúc.

Hiện nay, nghi lễ trong hôn nhân của người Dao Thanh Y ở Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh có những biến đổi phù hợp với sự phát triển của cuộc sống hiện đại. Tuy nhiên, những nét riêng, bản sắc văn hóa của người Dao Thanh Y vẫn còn được lưu giữ đậm nét. Đây là những nét đẹp trong văn hóa tộc người cần được bảo tồn và phát huy trong cuộc sống hiện đại ngày nay. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Đơn vị tính nghìn đồng và triệu đồng là tính theo thời điểm khảo sát thực địa của tác giả tháng 8.2014.

Tài liệu trích dẫn

- Nguyễn Khắc Tụng. 1997. "Trở lại vấn đề phân loại các nhóm Dao ở Việt Nam". *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3 (95), tr. 30-37.
- Nguyễn Quang Vinh. 1999. Một số vấn đề người Dao Quảng Ninh. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Ninh. 2005. Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Dao Thanh Y, huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh. Báo cáo khoa học.